

Bản án số: 27/2018/HS-ST
Ngày 10-9-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Tùng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Lao Cang

2. Ông Phạm Văn Hợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lương Thành Long, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Trịnh Văn S; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 31/5/1991 tại huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Tiểu khu 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn H, sinh năm 1959 và bà Trần Thị Đ (đã chết); Bị cáo có vợ Nguyễn Thị H (đã ly hôn); Con có 01 con 01 tuổi; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2018 đến ngày 23/5/2018 được tại ngoại. Có mặt.

2. Kiều Duy T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 18/4/1985 tại xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi ĐKHKTT: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi tạm trú: Bản P3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Kiều Duy L, sinh năm 1939 và bà Chu Thị T, sinh năm 1943; Bị cáo có vợ Hoàng Thị T, sinh năm 1990 (không có đăng ký kết hôn) và 02 con đều 03 tuổi; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 25/01/2006, bị TAND quận K, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 25/5/2007, bị TAND huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt 26 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 17/01/2008, bị TAND huyện Y, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm 06 tháng về tội Trốn khỏi nơi giam; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2018 đến nay. Có mặt.

3. Chu Văn B; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 04/10/1980 tại xã H, huyện T1, tỉnh Phú Thọ. Nơi ĐKHKTT: Khu 4, xã H, huyện T1, tỉnh Phú Thọ; Nơi tạm

trú: Bản P3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Văn S, sinh năm 1949 và bà Chu Thị H1, sinh năm 1954; Vợ: Đinh Thị N, sinh năm 1983 và 01 con 02 tuổi; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 01/3/2011, bị TAND huyện C, tỉnh An Giang xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 24/8/2011, bị TAND huyện T1, tỉnh Phú Thọ xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, 12 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2018 đến ngày 26/6/2018 được tại ngoại. Đến ngày 06/9/2018 bị bắt tạm giữ ở một vụ án hình sự khác. Vắng mặt.

4. Chu Thị H ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02 tháng 6 năm 1988 tại T2 – B1 – Hà Nội. Nơi cư trú: Bản P3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Nhân T, sinh năm 1958 và bà Đỗ Thị X, sinh năm 1961; có chồng: Trần Thanh T, sinh năm 1988 và 01 con 05 tuổi, hiện tại bị cáo đang mang thai; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: không; Bị cáo tại ngoại. Vắng mặt.

5. Lường Thị H2; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16/9/1983 tại xã G, huyện P, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản P3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lường Văn K (đã chết) và bà Bạc Thị D, sinh năm 1955; Bị cáo chưa có chồng Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979 và 02 con, con lớn nhất 14 tuổi, con nhỏ nhất 13 tuổi; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2018 đến ngày 23/5/2018 được tại ngoại. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Thanh T; Sinh năm 1988; Nơi cư trú: Bản P3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h ngày 30/4/2018 các bị cáo H, S, B, H2, T đến chơi, ăn ốc tại nhà của bị cáo H. Khi đang ngồi, S nói với mọi người “làm tí nhí”, ý là rủ 04 người kia đánh bạc, mọi người đồng ý. T là người cắt 04 quân bài vị và lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ màu trắng đặt lên thảm xóp giữa phòng bán hàng của nhà H. Rồi 05 người cùng tham gia đánh bạc. Hình thức đánh bạc là “sóc đĩa”, được thua trả tiền mặt tại chỗ, mức cá cược thấp nhất là 50.000 đồng/ván, không giới hạn mức tối đa. Người cầm cái là người cho 04 quân vị vào trong lòng đĩa, úp bát lên rồi sóc qua lại, lên xuống. Sau khi mở bát, nếu trên đĩa có 01 quân vị màu trắng, 03 quân vị có hoa văn màu chấm tím hoặc ngược lại thì là lẻ. Còn nếu có 02 quân vị màu trắng, 02 quân vị có hoa văn màu chấm tím hoặc cả 04 quân vị cùng màu thì là chẵn. B là người cầm cái, S, H, T, H2 là người đặt cửa. Khi tham gia đánh bạc, B có 1.720.000đồng, T có 200.000đồng, H2 có 1.400.000đồng, H có 1.915.000đồng, S

có 1.100.000đồng. 05 người cùng tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền đến 0 giờ 10 phút ngày 01/5/2018, thì T hết tiền đứng dậy đi về . Ngay lúc này, tổ công tác Công an huyện B tiến hành kiểm tra bắt quả tang đối với S, H2 và B, còn T bỏ chạy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành bắt giữ đối với Kiều Duy T và làm rõ hành vi của Chu Thị H.

Vật chứng thu giữ trên chiếu bạc: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 6.335.000đồng; 04 quân vị hình tròn; 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 06 tấm xốp, trong đó có 03 tấm màu trắng và 03 tấm màu vàng.

Ngày 01/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trưng cầu giám định số tiền bắt quả tang ngày 01/5/2018 là 6.335.000đồng. Tại bản kết luận giám định số 221 ngày 03/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La, kết luận mẫu gửi giám định là tiền thật.

Tại phiên tòa công khai các bị cáo Trịnh Văn S, Kiều Duy T, Chu Văn B, Chu Thị H và Lương Thị H2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKS-BY ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, truy tố các bị cáo Trịnh Văn S, Kiều Duy T, Chu Văn B, Chu Thị H và Lương Thị H2 phạm tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo Trịnh Văn S 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt tiền bị cáo Chu Thị H số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt tiền bị cáo Lương Thị H2 số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Chu Văn B mức án từ 9 đến 12 tháng tù được khấu trừ thời gian tạm giam giữ là một tháng hai mươi sáu ngày, thời gian thụ hình được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt tù. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Kiều Duy T mức án từ 9 đến 12 tháng tù thời gian thụ hình được tính từ ngày bắt tạm giam giữ đối với bị cáo. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 04 quân vị hình tròn; 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 06 tấm xốp (trong đó có 03 tấm màu trắng và 03 tấm màu vàng); một chiếc kéo dài 20,5cm, phần lưỡi kéo bằng kim loại mạ Inox, trên lưỡi kéo in chữ LINSHENG, phần chuôi kéo bọc nhựa màu xanh lá cây, kéo đã qua sử dụng; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 6.335.000 đồng. Áp dụng khoản 4 Điều 122 Bộ luật tố tụng hình sự: trả lại số tiền 30.000.000 đồng bị cáo Chu Văn B đã đặt để bảo đảm. Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trịnh Văn S, Kiều Duy T, Chu Văn B, Chu Thị H, Lương Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Ý kiến của các bị cáo Trịnh Văn S, Kiều Duy T, Chu Văn B, Lương Thị H2 tự bào chữa: Các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nhận thức hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa bị cáo Chu Thị H, bị cáo Chu Văn B vắng mặt, cả hai bị cáo đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được Hội đồng xét xử chấp nhận, việc xét xử bị cáo bảo đảm đúng qui định tại điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ Luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Thanh T vắng mặt, anh Tuyên đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Phiên tòa xét xử vắng mặt anh T đảm bảo theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Trịnh Văn S, Kiều Duy T, Chu Văn B, Chu Thị H và Lương Thị H2 có đủ cơ sở để khẳng định:

Đêm 30/4/2018 rạng ngày 01/5/2018, tại nhà ở của Chu Thị H ở bản P3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La, các bị cáo Trịnh Văn S, Chu Văn B và Lương Thị H2, Kiều Duy T và Chu Thị H đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức “Sóc đĩa” được thua bằng tiền thì bị tổ công tác Công an huyện B, tỉnh Sơn La bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 04 quân vị hình tròn; 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 06 tấm xốp, trong đó có 03 tấm màu trắng và 03 tấm màu vàng; Tiền ngân hàng nhà nước Việt nam 6.335.000 đồng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận tổng số tiền các bị cáo đã dùng để đánh bạc là 6.335.000 đồng. Trong đó bị cáo Trịnh Văn S có 1.100.000 đồng, bị cáo Kiều Duy T có 200.000 đồng, bị cáo Chu Văn B có 1.720.000 đồng, bị cáo Chu Thị H có 1.915.000 đồng và bị cáo Lương Thị H2 có 1.400.000 đồng.

Xét hành vi trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến lĩnh vực trật tự công cộng, gây mất an ninh trong xã hội, gây nhiều tác hại nghiêm trọng cho đời sống xã hội, làm ảnh hưởng đến đạo đức, lối sống và các chuẩn mực xã hội, làm ảnh hưởng đến hạnh phúc, kinh tế của nhiều gia đình, là cơ sở phát sinh nhiều tội phạm cũng như tệ nạn xã hội khác và ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Bản thân các bị cáo Trịnh Văn S, Kiều Duy T, Chu Văn B, Chu Thị H, Lương Thị H2 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo tuổi đời còn trẻ lẽ ra phải tích cực lao động, học tập, cố gắng tu dưỡng đạo đức, nhưng lại ăn chơi, không tu chí làm ăn, do hám lợi, các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc sạt phạt nhau bằng tiền. Trên cơ sở đó đủ điều kiện căn cứ kết luận hành vi trên của các bị cáo Trịnh Văn S, Kiều Duy T, Chu Văn B, Chu Thị H và Lương Thị H phạm tội: “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, việc xét xử các bị cáo là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án.

Các bị cáo Trịnh Văn S, Kiều Duy T, Chu Văn B, Chu Thị H và Lương Thị H2 do hám lợi, đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức “Sóc đĩa” được thua bằng tiền với tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 6.335.000 đồng là hành vi phạm tội ít nghiêm trọng có mức hình phạt “phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét về vai trò phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án các bị cáo là đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự tổ chức, phân công, câu kết chặt chẽ chỉ nhất thời rủ nhau phạm tội. Như vậy, các bị cáo đã tiếp nhận ý chí của nhau, biết việc đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Các bị cáo trong vụ án đều tham gia với vai trò thực hành, không có bị cáo giữ vai trò chủ mưu, tổ chức đánh bạc. Tuy nhiên, cũng cần xem xét, bị cáo Trịnh Văn S là người khởi xướng ra hành vi đánh bạc; Chu Thị H sử dụng số tiền vào hành vi đánh bạc nhiều nhất (1.915.000 đồng) và đã cho các đối tượng sử dụng địa điểm là nhà ở của gia đình để thực hiện hành vi đánh bạc. Bị cáo Kiều Duy T là người sử dụng số tiền để thực hiện hành vi đánh bạc ít nhất (200.000 đồng) nhưng lại là người chuẩn bị phương tiện (cắt quân vị, lấy bát, đĩa) để thực hiện hành vi đánh bạc. Chu Văn B có 1.720.000 đồng và Lương Thị H2 có 1.400.000 đồng để tham gia đánh bạc. Vì vậy cần vận dụng Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Trịnh Văn S, Kiều Duy T, Chu Văn B, Chu Thị H và Lương Thị H2: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng song các bị cáo Kiều Duy T và Chu Văn B có nhân thân xấu. Đối với bị cáo Kiều Duy T: Ngày 25/01/2006, bị TAND quận K, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 25/5/2007, bị TAND huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt 26 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 17/01/2008, bị TAND huyện Y, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm 06 tháng về tội Trốn khỏi nơi giam. Đối với Chu Văn B: Ngày 01/3/2011, bị TAND huyện C, tỉnh An

Giang xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 24/8/2011, bị TAND huyện T1, tỉnh Phú Thọ xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, 12 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam. Về phần án phí của bản án số 04/2011/HSST, ngày 01/3/2011 của TAND huyện C, tỉnh An Giang tuyên bị cáo Chu Văn B phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. theo các kết quả điều tra, xác minh bị cáo chưa thi hành số tiền án phí này do lỗi của cơ quan chức năng từ đó đến nay đã hơn 7 năm không ra quyết định thi hành án về án phí hình sự sơ thẩm này. Đối chiếu quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự về thời hiệu thi hành bản án ; Điều 70 Bộ luật hình sự về đương nhiên được xóa án tích thì việc bị cáo chưa thi hành số tiền án phí trên không phải do lỗi chủ quan của bị cáo mà do lỗi của các cơ quan chức năng. Bản án đã hết thời hiệu thi hành do đó bị cáo đương nhiên được xóa án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo năn hối cải. Bị cáo Trịnh Văn S, Chu Văn B, Lương Thị H2 đã khai báo ra hành vi phạm tội của bị cáo Kiều Duy T và Chu Thị H giúp Cơ quan điều tra phát hiện, điều tra tội phạm. Các bị cáo Trịnh Văn S, Chu Thị H và Lương Thị H2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Chu Thị H là phụ nữ có thai. Nên các bị cáo Trịnh Văn S, Lương Thị H2 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Chu Thị H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Chu Văn B, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51; bị cáo Kiều Duy T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; ngoài ra bị cáo Lương Thị H4 là người dân tộc thiểu số , bị cáo Trịnh Văn S có ông nội là ông Trịnh văn H3 là người có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều huân huy chương kháng chiến nên hai bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử xét các bị cáo Chu Văn B, Kiều Duy T nhân thân xấu đã nhiều lần được giáo dục, cải tạo trong trại cải tạo của nhà nước nhưng vẫn thiếu tu dưỡng rèn luyện, tu chí làm ăn, các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, nên cần áp dụng một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân các bị cáo. Đồng thời cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội, đồng thời mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm tại địa phương trong giai đoạn hiện nay.

Đối với bị cáo Trịnh Văn S theo đề nghị của Viện kiểm sát cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương. Xét bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, theo nhận xét của chính quyền địa phương trước khi phạm tội bị cáo đều chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Xét chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện. Do đó cần vận dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú của bị cáo giám sát giáo dục theo quy định của luật thi hành án.

Đối với hai bị cáo Lương Thị H2, Chu thị H đều là phụ nữ. Bị cáo Lương Thị H2 là người dân tộc thiểu số, bị cáo Chu Thị H phạm tội khi đang mang thai. Nhân thân hai bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên cần vận dụng mức thấp nhất của khung hình phạt là phạt tiền đối với hai bị cáo.

[4] Các bị cáo Trịnh Văn S, Lương Thị H2 bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2018 đến ngày 23/5/2018 được tại ngoại, bị cáo Chu Văn B bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2018 đến ngày 26/6/2018 được tại ngoại sẽ được xem xét khấu trừ vào thời gian thụ hình. Bị cáo Kiều Duy T đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Thời gian tạm giam được tính vào thời gian thụ hình. Hiện tại bị cáo Chu Văn B đang bị tạm giữ hình sự một vụ án khác nên việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đặt tiền bảo đảm của bị cáo Chu Văn B không còn cần thiết. Do đó cần trả lại số tiền đặt cọc cho gia đình bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập thấp, đang nuôi con nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Đối với Trần Thanh T là chủ nhà mà các bị cáo sử dụng làm địa điểm đánh bạc, việc vợ anh T là bị cáo Chu Thị H và các bị cáo sử dụng địa điểm để thực hiện hành vi đánh bạc, anh T hoàn toàn không biết do vậy không có cơ sở, căn cứ để xử lý đối với Trần Thanh T.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với số vật chứng gồm 04 quân vị hình tròn; 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 06 tấm xốp (trong đó có 03 tấm màu trắng và 03 tấm màu vàng); Một chiếc kéo dài 20,5cm, phần lưỡi kéo bằng kim loại mạ Inox, trên lưỡi kéo in chữ LINSHENG, phần chuôi kéo bọc nhựa màu xanh lá cây, kéo đã qua sử dụng qua điều tra xác định là tài sản của gia đình anh Trần Thanh T và bị cáo Chu Thị H, anh T xác định anh là người đi mua số tài sản trên và xác định số tài sản trên không còn giá trị sử dụng nên không đề nghị xin lại, cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với số tiền 6.335.000 đồng là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước. Vì vậy cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí, do vậy phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Trịnh Văn S, Kiều Duy T, Chu Văn B, Chu Thị H, Lương Thị H2 phạm tội: “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt các bị cáo Trịnh Văn S 09 tháng (chín tháng) tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng (mười tám tháng) tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Trịnh Văn S cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt bị cáo Chu Văn B 06 tháng (sáu tháng) tù về tội “Đánh bạc”, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 01 tháng 26 ngày (từ ngày 01/5/2018 đến 26/6/2018), Bị cáo còn phải thi hành tiếp 04 tháng (bốn tháng) 04 ngày (bốn ngày) tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Kiều Duy T 06 tháng (sáu tháng) tù, về tội “Đánh bạc”. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt tạm giữ đối với bị cáo (02/5/2018).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015:

Phạt tiền bị cáo Lương Thị H 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1 điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự:

Phạt tiền bị cáo Chu Thị H 20.000.000 đồng. (hai mươi triệu đồng).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 04 quân vị hình tròn; 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 06 tấm xốp (trong đó có 03 tấm màu trắng và 03 tấm màu vàng); Một chiếc kéo dài 20,5cm, phần lưỡi kéo bằng kim loại mạ Inox, trên lưỡi kéo in chữ LINSHENG, phần chuôi kéo bọc nhựa màu xanh lá cây, kéo đã qua sử dụng (đã niêm phong). Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 6.335.000 đồng (sáu triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Về Án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Báo cho các bị cáo Trịnh Văn S, Kiều Duy T, Lường Thị H2 biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho các bị cáo Chu Thị H, Chu Văn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thanh T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao, nhận bản án theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các bị cáo;
- NTGTT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Tùng